

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 25 - 4 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản và hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Kim Sinh

Ông Đặng Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2018/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn L - Luật sư của công ty Luật TNHH một thành viên Sài Gòn Mê Kông thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1952

2. Bà Trương Thị K, sinh năm 1955

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980

4. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp M, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, ông H, ông V: Bà Trương Thị K, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp M, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2018).

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018 (al) bà có bán thanh long cho ông P, bà K, ông H, ông V nhiều lần. Tính đến ngày 17/7/2018 ông P, bà K, ông H, ông V còn thiếu bà tiền mua thanh long là 399.083.000 đồng. Khi mua thanh long hai bên thỏa thuận sau khi giao hàng một tuần sẽ trả đủ tiền nhưng phía bị đơn không trả đủ tiền.

Vào năm 2016, ông P, bà K, ông H, ông V có vay của bà hai lần, một lần 300.000.000 đồng, một lần 200.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không có thời hạn trả nợ, khi nào yêu cầu trả thì báo trước cho phía bị đơn nhưng phía bị đơn không trả. Vào ngày 17/7/2018, bà có gặp phía bị đơn để viết lại giấy nợ bà số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền mua bán thanh long và tiền vay bà đã đòi nhiều lần nhưng phía bị đơn không trả.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/02/2019, bà yêu cầu các bị đơn phải trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 17/7/2018 cho đến ngày 14/02/2019 với số tiền 28.333.000 đồng nhưng nay bà không yêu cầu tính lãi nữa, bà rút yêu cầu tính lãi.

Nay bà yêu cầu ông P, bà K, ông H, ông V phải liên đới trả cho bà số tiền 899.083.000 đồng.

Bà Trương Thị K là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của ông P, ông H, ông V trình bày:

Bà thống nhất theo lời trình bày của bà L. Vào năm 2018 gia đình bà có mua thanh long của bà L còn nợ số tiền 399.083.000 đồng. Khi mua thanh long hai bên thỏa thuận sau khi giao hàng một tuần sẽ trả đủ tiền nhưng do làm ăn thua lỗ nên bà không có khả năng trả tiền cho bà L.

Vào năm 2016, bà, ông P, ông H, ông V có vay của bà L hai lần, một lần 300.000.000 đồng, một lần 200.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để làm ăn, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không có thời hạn trả nợ, sau khi vay tiền bà có trả lãi cho bà L nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên bà không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả. Vào ngày 17/7/2018, bà L có gặp phía gia đình bà để viết lại giấy nợ nợ tiền thanh long 399.083.000 đồng và tiền vay 500.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu bà, ông P, ông H, ông V phải liên đới trả cho bà L số tiền 899.083.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì bà đồng ý nhưng hiện nay hoàn cảnh của gia đình bà đang khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Ông Lê Văn L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào giấy nợ có đủ cơ sở xác định bà K, ông P, ông H, ông V còn nợ bà L số tiền 899.083.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L, buộc bà K, ông P, ông H, ông V phải trả cho bà L số tiền 899.083.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản và với ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị K, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V. Các bị đơn cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã trình bày thống nhất với nhau về nội dung vụ án. Căn cứ theo giấy nợ và sự thừa nhận của bà K có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018 (al) bà L có bán thanh long cho ông P, bà K, ông H, ông V nhiều lần, tính đến ngày 17/7/2018 ông P, bà K, ông H, ông V còn thiếu nợ bà L tiền mua thanh long là 399.083.000 đồng. Vào năm 2016, ông P, bà K, ông H, ông V có vay của bà L hai lần tổng cộng 500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không có thời hạn trả nợ, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi và không có kỳ hạn.

Sau khi mua bán thanh long và vay tiền, bà L đã đòi nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không thực hiện, đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua tài sản và nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại Điều 430, 440, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bà K đồng ý trả tiền cho bà L nhưng hiện nay hoàn cảnh của gia đình bà đang khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên nhưng không được bà L đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận việc trả dần của bà K, cần buộc bà K, ông P, ông H, ông V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 899.083.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/02/2019, bà L yêu cầu các bị đơn phải trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm đối với số tiền vay 500.000.000 đồng, tính từ ngày 17/7/2018 cho đến ngày 14/02/2019 với số tiền 28.333.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà L không yêu cầu tính lãi nữa, bà rút yêu cầu tính lãi nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Bà K không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả vì không có chứng cứ gì chứng minh nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị K, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: $(899.083.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 99.083.000 \text{ đồng}) = 38.972.490 \text{ đồng})$. Tuy nhiên ông P, bà K, ông H có đơn xin miễn án phí, xét thấy ông P, bà K là người cao tuổi, ông H là người khuyết tật thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn án phí cho ông P, bà K, ông H mỗi người $\frac{1}{4}$ án phí là $38.972.490 \text{ đồng} : 4 = 9.743.122 \text{ đồng}$. Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.743.122 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 430, 440, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị K, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị K, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 899.083.000 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị L do bà L rút yêu cầu này.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn P, bà Trương Thị K, ông Nguyễn Văn H mỗi người đối với số tiền 9.743.122 đồng.

Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.743.122 đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng 20.194.000 đồng (bao gồm số tiền 19.486.000 đồng theo biên lai thu số 0001041 ngày 06 tháng 12 năm 2018 và số tiền 708.000 đồng theo biên lai thu số 0001136 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu HS.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh